ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KẾT QUẢ KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC HÀ TĨNH NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký thi tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Điểm chấm phúc khảo	Tổng điểm sau phúc khảo, xử lý vi phạm và cộng điểm ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
1	HC. 001	Đặng Hoàng	Anh	31/8/1996	Nam	Hành chính tổng hợp	Chi cục TT&BVTV, Sở NN&PTNT			50.5			50.5	Không trúng tuyển	
2	HC. 002	Nguyễn Thái	Bảo	07/4/1999	Nam	Hành chính tổng hợp	Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ			35			35	Không trúng tuyển	
3	HC. 003	Bùi Phương	Dung	19/5/1995	Nữ	Hành chính tổng hợp	Sở Công Thương			29.5			29.5	Không trúng tuyển	
4	HC. 004	Lê Thị Thanh	Dung	20/6/1998	Nữ	Hành chính tổng hợp	Chi cục TT&BVTV, Sở NN&PTNT			65			65	Trúng tuyển	
5	HC. 005	Trần Thị Trà	Giang	20/01/1991	Nữ	Hành chính tổng hợp	Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ			50			50	Không trúng tuyển	
6	HC. 006	Võ Thị Thanh	Hằng	08/01/1995	Nữ	Hành chính tổng hợp	Chi cục TT&BVTV, Sở NN&PTNT			53			53	Không trúng tuyển	
7	HC. 007	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	05/8/1993	Nữ	Hành chính tổng hợp	Sở Công Thương							Không trúng tuyển	Vắng thi
8	HC. 008	Đặng Thị Ngọc	Hiệp	07/5/1998	Nữ	Hành chính tổng hợp	Chi cục QLCL NLS&TS, Sở NN&PTNT			36			36	Không trúng tuyển	
9	HC. 009	Thiều Quỳnh	Hương	24/8/2000	Nữ	Tiếp công dân	UBND huyện Kỳ Anh			32			32	Không trúng tuyển	
10	HC. 010	Nguyễn Thị Hoài	Linh	14/8/2000	Nữ	Lễ tân, đối ngoại	UBND huyện Kỳ Anh			38			38	Không trúng tuyển	
11	HC. 011	Dương Thị Mỹ	Linh	23/11/1996	Nữ	Hành chính tổng hợp	Sở Công Thương			39			39	Không trúng tuyển	
12	HC. 012	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	16/9/1993	Nữ	Hành chính tổng hợp	Chi cục QLCL NLS&TS, Sở NN&PTNT			38			38	Không trúng tuyển	
13	HC. 013	Dương Thị	Nguyệt	12/11/1990	Nữ	Hành chính tổng hợp	Sở Công Thương	CBB	5	57			62	Trúng tuyển	
14	HC. 014	Trần Thị Cẩm	Nhung	28/02/1997	Nữ	Hành chính tổng hợp	Chi cục QLCL NLS&TS, Sở NN&PTNT			67			67	Trúng tuyển	
15	HC. 015	Phan Thị	Phố	28/8/1995	Nữ	Hành chính tổng hợp	Chi cục QLCL NLS&TS, Sở NN&PTNT			45			45	Không trúng tuyển	
16	HC. 016	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	13/5/1997	Nữ	Hành chính tổng hợp	Sở Công Thương			18			18	Không trúng tuyển	
17	HC. 017	Trần Đình	Sơn	22/4/1994	Nam	Thông tin tuyên truyền	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh			42		43	43	Không trúng tuyển	
18	HC. 018	Lê Thị Phương	Tâm	23/10/1999	Nữ	Hành chính tổng hợp	Sở Công Thương			43			43	Không trúng tuyển	
19	HC. 019	Nguyễn Thị	Thắm	07/6/1998	Nữ	Hành chính tổng hợp	Sở Công Thương			41			41	Không trúng tuyển	
20	HC. 020	Trần Thị Bảo	Trâm	25/12/1997	Nữ	Hành chính tổng hợp	Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ			46			46	Không trúng tuyển	
21	HC. 021	Bùi Thị Thanh	Tú	21/02/1997	Nữ	Hành chính tổng hợp	Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ			50		50	50	Không trúng tuyển	
22	HC. 022	Nguyễn Mạnh	Tuấn	13/6/1991	Nam	Hành chính tổng hợp	Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ	CTB	5	50			55	Trúng tuyển	
23	HC. 023	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	30/01/1999	Nữ	Tiếp công dân	UBND huyện Kỳ Anh			57			57	Trúng tuyển	
24	HC. 024	Nguyễn Thuỳ	Dung	03/02/1993	Nữ	Văn thư, lưu trữ	Sở Ngoại vụ			10			10	Không trúng tuyển	
25	HC. 025	Nguyễn Thị	Hải	27/01/1985	Nữ	Văn thư	Sở Tư pháp			37	9.25		27.75	Không trúng tuyển	Khiển trách
26	HC. 026	Lê Thị Anh	Hoài	27/7/1985	Nữ	Văn thư	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			4			4	Không trúng tuyển	
27	HC. 027	Nguyễn Thị	Hương	03/01/1987	Nữ	Văn thư	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			14			14	Không trúng tuyển	
28	HC. 028	Nguyễn Thùy	Linh	18/8/1996	Nữ	Văn thư	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			3			3	Không trúng tuyển	
29	HC. 029	Hoàng Thị Phương	Thảo	22/11/1981	Nữ	Văn thư	UBND huyện Đức Thọ			17			17	Không trúng tuyển	
30	HC. 030	Nguyễn Thị Hoài	Thương	10/01/1993	Nữ	Văn thư	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			9			9	Không trúng tuyển	
31	HC. 031	Hồ Thị	Tư	03/12/1980	Nữ	Văn thư	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			14			14	Không trúng tuyển	
32	HC. 032	Lê Thị	Tuyết	23/12/1989	Nữ	Văn thư	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			13			13	Không trúng tuyển	
33	HC. 033	Dương Thị Hải	Yên	31/10/1993	Nữ	Văn thư	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT							Không trúng tuyển	Vắng thi
34	HC. 034	Phan Thị Thùy	Dung	26/4/1996	Nữ	Quản lý thông tin, truyền thông	UBND huyện Hương Khê			52			52	Trúng tuyển	
35	HC. 035	Nguyễn Đình	Nam	06/10/1999	Nam	Quản lý thông tin, truyền thông	UBND huyện Hương Khê			23			23	Không trúng tuyển	

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký thi tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Điểm chấm phúc khảo	Tổng điểm sau phúc khảo, xử lý vi phạm và cộng điểm ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
36	HC. 036	Lê Thị Thùy	An	10/9/1999	Nữ	Quản lý kế hoạch, cơ sở vật chất giáo dục và tài chính kế toán	UBND huyện Kỳ Anh			6.5			6.5	Không trúng tuyển	
37	HC. 037	Hà Quang	Anh	14/11/1990	Nam	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT	CTB	5	0			5	Không trúng tuyển	
38	HC. 038	Nguyễn Thị	Anh	10/02/1997	Nữ	Quản lý kế hoạch, cơ sở vật chất giáo dục và tài chính kế toán	UBND huyện Kỳ Anh			10.5		10	10	Không trúng tuyển	
39	HC. 039	Nguyễn Thị Kim	Anh	28/12/1992	Nữ	Quản lý kế hoạch, cơ sở vật chất giáo dục và tài chính kế toán	UBND huyện Kỳ Anh			42			42	Không trúng tuyển	
40	HC. 040	Phạm Thị Hương	Giang	11/5/1999	Nữ	Quản lý Tài chính - Kế toán	Văn phòng, Sở NN&PTNT			7			7	Không trúng tuyển	
41	HC. 041	Nguyễn Thị Thu	Hiền	08/9/1986	Nữ	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			15			15	Không trúng tuyển	
42	HC. 042	Bùi Thị Kim	Hòa	31/12/1999	Nữ	Quản lý kế hoạch, cơ sở vật chất giáo dục và tài chính kế toán	UBND huyện Kỳ Anh			26			26	Không trúng tuyển	
43	HC. 043	Đào Thị	Hòa	20/11/1996	Nữ	Quản lý kế hoạch, cơ sở vật chất giáo dục và tài chính kế toán	UBND huyện Kỳ Anh			0			0	Không trúng tuyển	
44	HC. 044	Nguyễn Thị Thanh	Hoài	11/11/1998	Nữ	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			40		41	41	Không trúng tuyển	
45	HC. 045	Nguyễn Thị	Huệ	18/02/1994	Nữ	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			43.5		43	43	Không trúng tuyển	
46	HC. 046	Nguyễn Thị Mai	Ly	15/10/1991	Nữ	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			35.5			35.5	Không trúng tuyển	
47	HC. 047	Trần Thị Tuyết	Mai	21/3/1987	Nữ	Quản lý Tài chính - Kế toán	Văn phòng, Sở NN&PTNT	CTB	5	22			27	Không trúng tuyển	
48	HC. 048	Dương Thị Diệu	My	27/11/2000	Nữ	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			0			0	Không trúng tuyển	
49	HC. 049	Trần Phương	Ngân	4/02/2000	Nữ	Quản lý Tài chính - Kế toán	Văn phòng, Sở NN&PTNT	CTB	5	25			30	Không trúng tuyển	
50	HC. 050	Lê Thị Kiều	Phương	25/9/1992	Nữ	Quản lý Tài chính - Kế toán	Văn phòng, Sở NN&PTNT			5			5	Không trúng tuyển	
51	HC. 051	Dương Thị Như	Quỳnh	28/8/1987	Nữ	Kế toán	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT	CBB	5	15.5			20.5	Không trúng tuyển	
52	HC. 052	Đoàn Thị Mai	Trang	10/9/1989	Nữ	Quản lý Tài chính - Kế toán	Văn phòng, Sở NN&PTNT			5			5	Không trúng tuyển	
53	HC. 053	Hoàng Mạnh	Cầm	04/8/1998	Nam	Quản lý chất lượng công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải			10.5			10.5	Không trúng tuyển	
54	HC. 054	Đoàn Xuân	Cường	26/3/1989	Nam	Quản lý hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải			38.5			38.5	Không trúng tuyển	
55	HC. 055	Nguyễn Trọng	Đại	25/5/1993	Nam	Quản lý giao thông vận tải	UBND huyện Hương Khê			53			53	Trúng tuyển	
56	HC. 056	Lương Thế	Đắc	13/3/1987	Nam	Quản lý chất lượng công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải			20			20	Không trúng tuyển	
57	HC. 057	Phan Việt	Hùng	07/01/1995	Nam	Quản lý giao thông vận tải	UBND thị xã Hồng Lĩnh			30.5			30.5	Không trúng tuyển	
58	HC. 058	Hoàng Xuân	Sơn	23/8/1993	Nam	Quản lý chất lượng công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải			50			50	Trúng tuyển	
59	HC. 059	Phạm Bá	Vinh	20/9/1988	Nam	Quản lý hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải			52			52	Trúng tuyển	
60	HC. 060	Bùi Thị	Hiền	08/4/1994	Nữ	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	Sở Xây dựng			42			42	Không trúng tuyển	
61	HC. 061	Trương Quang	Huy	25/4/1990	Nam	Quản lý xây dựng công trình	Văn phòng, Sở NN&PTNT	CTB	5	58			63	Trúng tuyển	
62	HC. 062	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	28/01/1998	Nữ	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	UBND thị xã Hồng Lĩnh			33			33	Không trúng tuyển	
63	HC. 063	Nguyễn Vũ Cẩm	Ly	30/9/1995	Nữ	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	Sở Xây dựng			50			50	Trúng tuyển	
64	HC. 064	Phạm Thị	Quỳnh	02/10/1990	Nữ	Quản lý xây dựng công trình	Văn phòng, Sở NN&PTNT			44			44	Không trúng tuyển	
65	HC. 065	Sử Văn	Tấn	10/6/1988	Nam	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	UBND thị xã Hồng Lĩnh			50			50	Trúng tuyển	
66	HC. 066	Dương Công	Tiến	20/11/1990	Nam	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	Sở Xây dựng			50			50	Không trúng tuyển	
67	HC. 067	Nguyễn Thị	Trang	27/7/1998	Nữ	Quản lý xây dựng công trình	Văn phòng, Sở NN&PTNT			20			20	Không trúng tuyển	
68	HC. 068	Lê Thị Mỹ	Duyên	01/10/1999	Nữ	Quản lý thể dục, thể thao và du lịch	UBND huyện Nghi Xuân			26			26	Không trúng tuyển	
69	HC. 069	Trần Huyền	Minh	19/8/1999	Nữ	Quản lý thể dục, thể thao và du lịch	UBND huyện Nghi Xuân			30			30	Không trúng tuyển	

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký thi tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Điểm chấm phúc khảo	Tổng điểm sau phúc khảo, xử lý vi phạm và cộng điểm ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
70	HC. 070	Trần Thị	Diễm	05/9/1995	Nữ	Quản lý hoạt động hòa giải ở cơ sở	Sở Tư pháp			39			39	Không trúng tuyển	
71	HC. 071	Bùi Văn	Duy	21/3/2000	Nam	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp			40			40	Không trúng tuyển	
72	HC. 072	Võ Thị	Giang	27/12/1998	Nữ	Hành chính tư pháp	UBND huyện Vũ Quang			46	23		23	Không trúng tuyển	Cảnh cáo
73	HC. 073	Lê Thị Khánh	Huyền	29/5/2000	Nữ	Hành chính tư pháp	UBND huyện Hương Sơn			35			35	Không trúng tuyển	
74	HC. 074	Trần Thị	Lam	10/8/1998	Nữ	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp			51			51	Trúng tuyển	
75	HC. 075	Phạm Thị Thùy	Linh	27/10/1998	Nữ	Hành chính tư pháp	UBND huyện Hương Sơn			46		47	47	Không trúng tuyển	
76	HC. 076	Lê Phan Ý	Nhi	13/8/2000	Nữ	Hành chính tư pháp	UBND huyện Hương Sơn			50			50	Trúng tuyển	
77	HC. 077	Trần Minh	Tài	12/10/2000	Nam	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Sở Tư pháp			44			44	Không trúng tuyển	
78	HC. 078	Nguyễn Thị Hoài	Thu	15/5/1993	Nữ	Hành chính tư pháp	UBND huyện Vũ Quang			50			50	Trúng tuyển	
79	HC. 079	Nguyễn Thị Thu	Uyên	22/4/1999	Nữ	Quản lý hoạt động hòa giải ở cơ sở	Sở Tư pháp			55			55	Trúng tuyển	
80	HC. 080	Viên Thị Thuỳ	Dương	25/8/1998	Nữ	Quản lý hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài	Sở Ngoại vụ			89			89	Trúng tuyển	
81	HC. 081	Nguyễn Thị Ngân	Hoa	15/10/1994	Nữ	Quản lý hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài	Sở Ngoại vụ	CTB	5	73			78	Không trúng tuyển	
82	HC. 082	Lê Thị Minh	Hường	08/3/1997	Nữ	Quản lý hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài	Sở Ngoại vụ			50			50	Không trúng tuyển	
83	HC. 083	Trần Thị Mỹ	Linh	04/6/1999	Nữ	Quản lý hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài	Sở Ngoại vụ			77			77	Không trúng tuyển	
84	HC. 084	Dương Khánh	Ly	26/3/1996	Nữ	Quản lý hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài	Sở Ngoại vụ			45			45	Không trúng tuyển	
85	HC. 085	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	20/11/1991	Nữ	Phiên dịch (tiếng Anh)	Sở Ngoại vụ			50			50	Trúng tuyển	
86	HC. 086	Đậu Hương	Trà	12/02/1997	Nữ	Quản lý hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài	Sở Ngoại vụ			48			48	Không trúng tuyển	
87	HC. 087	Nguyễn Thị Hà	Trang	23/10/1998	Nữ	Phiên dịch (tiếng Anh)	Sở Ngoại vụ			44			44	Không trúng tuyển	
88	HC. 088	Nguyễn Tiến Sơn	Anh	11/4/1993	Nam	Phòng chống thiên tai	Chi cục Thủy lợi, Sở NN&PTNT			50			50	Trúng tuyển	
89	HC. 089	Bùi Quốc	Bảo	07/02/1993	Nam	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	Chi cục Thủy lợi, Sở NN&PTNT			0			0	Không trúng tuyển	
90	HC. 090	Nguyễn Quang	Cường	20/7/1997	Nam	Quản lý bảo vệ đê điều	Chi cục Thủy lợi, Sở NN&PTNT			75			75	Trúng tuyển	
91	HC. 091	Trần Tiến	Đạt	23/5/1999	Nam	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	Chi cục Thủy lợi, Sở NN&PTNT			5			5	Không trúng tuyển	
92	HC. 092	Trần Ngọc	Giang	29/8/1993	Nữ	Phòng chống thiên tai	Chi cục Thủy lợi, Sở NN&PTNT			35			35	Không trúng tuyển	
93	HC. 093	Phan Thị Việt	Hà	21/3/1995	Nữ	Phòng chống thiên tai	Chi cục Thủy lợi, Sở NN&PTNT			43			43	Không trúng tuyển	
94	HC. 094	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	01/10/1995	Nữ	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	Chi cục Thủy lợi, Sở NN&PTNT			50			50	Trúng tuyển	
95	HC. 095	Nguyễn Thúy	Hằng	07/7/1990	Nữ	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	Chi cục Thủy lợi, Sở NN&PTNT	CTB	5	36			41	Không trúng tuyển	
96	HC. 096	Đặng Quang	Huy	04/8/1988	Nam	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	Chi cục Thủy lợi, Sở NN&PTNT			10			10	Không trúng tuyển	
97	HC. 097	Bùi Thị Ước	Mơ	02/7/1995	Nữ	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	Chi cục Thủy lợi, Sở NN&PTNT			40			40	Không trúng tuyển	
98	HC. 098	Trương Huy	Tuấn	27/9/1995	Nam	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	Chi cục Thủy lợi, Sở NN&PTNT			7			7	Không trúng tuyển	
99	HC. 099	Nguyễn Minh	Hoàng	09/01/1997	Nam	Kiểm dịch Động vật	Chi cục CN&TY, Sở NN&PTNT			45		46	46	Không trúng tuyển	
100	HC. 100	Nguyễn Văn	Luân	05/3/1992	Nam	Quản lý dịch bệnh	Chi cục CN&TY, Sở NN&PTNT			44			44	Không trúng tuyển	
101	HC. 101	Đặng Văn	Phú	05/12/1998	Nam	Quản lý dịch bệnh	Chi cục CN&TY, Sở NN&PTNT			38			38	Không trúng tuyển	
102	HC. 102	Bùi Thị Ngọc	Tú	5/10/1985	Nữ	Kiểm dịch Động vật	Chi cục CN&TY, Sở NN&PTNT			39			39	Không trúng tuyển	
103	HC. 103	Phan Thị	Uyên	29/3/1997	Nữ	Quản lý chăn nuôi	UBND huyện Hương Khê			46		47	47	Không trúng tuyển	
104	HC. 104	Vương Thị	Xuân	05/7/1992	Nữ	Quản lý dịch bệnh	Chi cục CN&TY, Sở NN&PTNT			52			52	Trúng tuyển	

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký thi tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Điểm chấm phúc khảo	Tổng điểm sau phúc khảo, xử lý vi phạm và cộng điểm ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
105	HC. 105	Phan Ngọc	Bảo	08/11/1998	Nam	Quản lý nhân sự và đội ngũ	Văn phòng, Sở NN&PTNT			50			50	Không trúng tuyển	
106	HC. 106	Thái Thị	Hạnh	01/4/1999	Nữ	Cải cách hành chính	UBND huyện Kỳ Anh			55			55	Trúng tuyển	
107	HC. 107	Trương Thị	Hoài	23/3/1996	Nữ	Quản lý nhân sự và đội ngũ	Văn phòng, Sở NN&PTNT			32			32	Không trúng tuyển	
108	HC. 108	Nguyễn Ngọc	Khánh	22/11/2000	Nam	Cải cách hành chính	UBND huyện Kỳ Anh			30			30	Không trúng tuyển	
109	HC. 109	Trần Thị Diệu	Khuê	01/8/1996	Nữ	Quản lý nhân sự và đội ngũ	Văn phòng, Sở NN&PTNT			20			20	Không trúng tuyển	
110	HC. 110	Kiều Công	Long	21/3/2000	Nam	Quản lý chính quyền địa phương và công tác thanh niên	UBND thị xã Kỳ Anh			55			55	Trúng tuyển	
111	HC. 111	Trần Thị Hoài	Vũ	10/6/1991	Nữ	Quản lý nhân sự và đội ngũ	Văn phòng, Sở NN&PTNT			53			53	Trúng tuyển	
112	HC. 112	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/12/1995	Nữ	Quản lý nhân sự và đội ngũ	Văn phòng, Sở NN&PTNT			32			32	Không trúng tuyển	
113	HC. 113	Hồ Thị Ngọc	Ánh	15/6/1999	Nữ	Thanh tra	Sở Công Thương			40			40	Không trúng tuyển	
114	HC. 114	Nguyễn Thị Kim	Cúc	28/12/1992	Nữ	Thanh tra	Văn phòng, Sở NN&PTNT			40			40	Không trúng tuyển	
115	HC. 115	Trần Thị	Dung	13/4/1999	Nữ	Thanh tra	Văn phòng, Sở NN&PTNT			7			7	Không trúng tuyển	
116	HC. 116	Phan Thị Hải	Dương	25/10/1994	Nữ	Thanh tra	Văn phòng, Sở NN&PTNT			5			5	Không trúng tuyển	
117	HC. 117	Uông Thị Thùy	Dương	20/11/1992	Nữ	Thanh tra	Văn phòng, Sở NN&PTNT			20			20	Không trúng tuyển	
118	HC. 118	Trần Thị Xinh	Đan	09/9/1997	Nữ	Thanh tra	Sở Công Thương			50		50	50	Không trúng tuyển	
119	HC. 119	Đặng Thị Thanh	Hằng	05/9/1998	Nữ	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	UBND huyện Vũ Quang			41			41	Không trúng tuyển	
120	HC. 120	Phan Thị Khánh	Huyền	01/7/1997	Nữ	Thanh tra	Văn phòng, Sở NN&PTNT			36			36	Không trúng tuyển	
121	HC. 121	Nghiêm Thị Hà	My	22/4/2000	Nữ	Thanh tra	Sở Công Thương			48			48	Không trúng tuyển	
122	HC. 122	Nguyễn Lê Kiều	My	10/7/1995	Nữ	Thanh tra	Sở Công Thương			43			43	Không trúng tuyển	
123	HC. 123	Hoàng Anh	Ngọc	29/8/1998	Nữ	Thanh tra	Văn phòng, Sở NN&PTNT			0			0	Không trúng tuyển	
124	HC. 124	Nguyễn Trần Đức	Nhật	27/6/1999	Nam	Thanh tra	UBND huyện Hương Sơn			37			37	Không trúng tuyển	
125	HC. 125	Trần Phan Cẩm	Nhung	10/7/2000	Nữ	Thanh tra	Văn phòng, Sở NN&PTNT			56.5			56.5	Trúng tuyển	
126	HC. 126	Phan Thị Hồng	Nhung	05/01/2000	Nữ	Thanh tra	Văn phòng, Sở NN&PTNT			52			52	Không trúng tuyển	
127	HC. 127	Hoàng Thị	Oanh	08/01/2000	Nữ	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	UBND huyện Vũ Quang			50			50	Trúng tuyển	
128	HC. 128	Nguyễn Thị	Phượng	14/02/1997	Nữ	Thanh tra	Sở Công Thương			51.5			51.5	Không trúng tuyển	
129	HC. 129	Võ Thị Thục	Quỳnh	17/11/2000	Nữ	Thanh tra	Văn phòng, Sở NN&PTNT			40			40	Không trúng tuyển	
130	HC. 130	Lê Xuân	Sanh	08/7/1985	Nam	Thanh tra	Sở Xây dựng			34		32	32	Không trúng tuyển	
131	HC. 131	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27/8/1998	Nữ	Thanh tra	Sở Công Thương			28			28	Không trúng tuyển	
132	HC. 132	Nguyễn Ngọc	Tiệp	13/8/1988	Nam	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	UBND huyện Vũ Quang			35			35	Không trúng tuyển	
133	HC. 133	Lê Thị Hà	Trang	29/3/1999	Nữ	Thanh tra	UBND huyện Vũ Quang			40			40	Không trúng tuyển	
134	HC. 134	Nguyễn Thị Hà	Trang	24/3/1998	Nữ	Thanh tra	Văn phòng, Sở NN&PTNT			20			20	Không trúng tuyển	
135	HC. 135	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	16/11/1995	Nữ	Thanh tra	Sở Công Thương			53.5			53.5	Trúng tuyển	
136	HC. 136	Phạm Thị	Vân	05/02/1999	Nữ	Thanh tra	Văn phòng, Sở NN&PTNT			30			30	Không trúng tuyển	
137	HC. 137	Hoàng Tuấn	Hải	14/5/1995	Nam	Quảnl ý bảo hiểm y tế	UBND huyện Nghi Xuân			18	9		9	Không trúng tuyển	Cảnh cáo
138	HC. 138	Nguyễn Khánh	Linh	10/10/1996	Nữ	Quản lý y tế và y tế dự phòng	UBND huyện Kỳ Anh			24			24	Không trúng tuyển	
139	HC. 139	Trần Thị Bích	Thái	20/11/1990	Nữ	Quản lý dược, mỹ phẩm; bảo hiểm, y tế cơ sở	UBND huyện Hương Khê			20			20	Không trúng tuyển	
140	HC. 140	Trần Thị Ngọc	Anh	25/9/1997	Nữ	Quản lý về Xuất nhập khẩu - Hợp tác quốc tế	Sở Công Thương							Không trúng tuyển	Vắng thi
141	HC. 141	Trần Thị Quỳnh	Anh	11/11/2000	Nữ	Quản lý thương mại	UBND huyện Kỳ Anh			60			60	Trúng tuyển	
142	HC. 142	Mai Thị	Ánh	22/6/1994	Nữ	Quản lý thương mại	UBND huyện Kỳ Anh			32			32	Không trúng tuyển	
143	HC. 143	Dương Thị Diệu	Huyền	27/11/2000	Nữ	Quản lý về Xuất nhập khẩu - Hợp tác quốc tế	Sở Công Thương			33			33	Không trúng tuyển	
144	HC. 144	Đinh Thùy	Linh	15/10/1999	Nữ	Quản lý thương mại	UBND huyện Kỳ Anh			29			29	Không trúng tuyển	
145	HC. 145	Nguyễn Thị Thùy	Linh	07/12/1997	Nữ	Quản lý về Xuất nhập khẩu - Hợp tác quốc tế	Sở Công Thương			46		44	44	Không trúng tuyển	

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký thi tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Điểm chấm phúc khảo	Tổng điểm sau phúc khảo, xử lý vi phạm và cộng điểm ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
146	HC. 146	Trần Thị	Lý	11/10/1996	Nữ	Quản lý thương mại	UBND huyện Kỳ Anh			48			48	Không trúng tuyển	
147	HC. 147	Hoàng Thị	Quỳnh	20/12/1994	Nữ	Quản lý về Xuất nhập khẩu - Hợp tác quốc tế	Sở Công Thương			48		47	47	Không trúng tuyển	
148	HC. 148	Nguyễn Thị Minh	Tâm	18/02/1998	Nữ	Quản lý thương mại	UBND huyện Kỳ Anh			22	11		11	Không trúng tuyển	Cảnh cáo
149	HC. 149	Trần Thị Tố	Uyên	08/7/1999	Nữ	Quản lý về Xuất nhập khẩu - Hợp tác quốc tế	Sở Công Thương	CTB	5	30			35	Không trúng tuyển	
150	HC. 150	Nguyễn Thị Vân	Anh	13/9/1997	Nữ	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	Ban QLKKT tỉnh Hà Tĩnh	CTB	5	15			20	Không trúng tuyển	
151	HC. 151	Trần Trung	Anh	24/7/1999	Nam	Quản lý kế hoạch và đầu tư	UBND thị xã Hồng Lĩnh			15			15	Không trúng tuyển	
152	HC. 152	Nguyễn Nhâm	Dũng	02/01/2000	Nam	Kế hoạch tổng hợp	Ban QLKKT tỉnh Hà Tĩnh			33			33	Không trúng tuyển	
153	HC. 153	Nguyễn Lê Tiến	Đạt	10/9/1998	Nam	Kế hoạch tổng hợp	Ban QLKKT tỉnh Hà Tĩnh			20			20	Không trúng tuyển	
154	HC. 154	Bùi Thị Quỳnh	Hà	02/9/2000	Nữ	Quản lý kế hoạch và đầu tư	UBND thị xã Hồng Lĩnh			18			18	Không trúng tuyển	
155	HC. 155	Nguyễn Thị Việt	Hà	13/3/1998	Nữ	Quản lý kế hoạch và đầu tư	UBND thị xã Hồng Lĩnh			55			55	Trúng tuyển	
156	HC. 156	Nguyễn Việt	Hà	09/4/1999	Nữ	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	Ban QLKKT tỉnh Hà Tĩnh			15			15	Không trúng tuyển	
157	HC. 157	Nguyễn Thị	Hiền	20/8/1987	Nữ	Quản lý Quy hoạch Kế hoạch	Văn phòng, Sở NN&PTNT	CTB	5	57			62	Trúng tuyển	
158	HC. 158	Đặng Thị	Khánh	20/9/2000	Nữ	Quản lý kế hoạch và đầu tư	UBND thị xã Hồng Lĩnh							Không trúng tuyển	Vắng thi
159	HC. 159	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	28/10/1999	Nữ	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	Ban QLKKT tỉnh Hà Tĩnh			40			40	Không trúng tuyển	
160	HC. 160	Trần Đình	Mạnh	17/9/1993	Nam	Quản lý kế hoạch và đầu tư	UBND thị xã Hồng Lĩnh			41		43.5	43.5	Không trúng tuyển	
161	HC. 161	Lê Nhi	Na	22/5/1996	Nữ	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	Ban QLKKT tỉnh Hà Tĩnh			32			32	Không trúng tuyển	
162	HC. 162	Nguyễn Thị Thúy	Nga	09/12/1993	Nữ	Quản lý Quy hoạch Kế hoạch	Văn phòng, Sở NN&PTNT			8			8	Không trúng tuyển	
163	HC. 163	Dương Xuân	Nhân	16/3/1998	Nam	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	Ban QLKKT tỉnh Hà Tĩnh			20		21	21	Không trúng tuyển	
164	HC. 164	Nguyễn Thị Tú	Oanh	03/11/1998	Nữ	Quản lý kế hoạch và đầu tư	UBND thị xã Hồng Lĩnh			19			19	Không trúng tuyển	
165	HC. 165	Trần Hoàng	Quân	02/6/1996	Nam	Quản lý kế hoạch và đầu tư	UBND thị xã Hồng Lĩnh			31			31	Không trúng tuyển	
166	HC. 166	Ngụy Thị	Tâm	19/5/1998	Nữ	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	Ban QLKKT tỉnh Hà Tĩnh			23			23	Không trúng tuyển	
167	HC. 167	Nguyễn Thị	Thơm	26/02/1994	Nữ	Quản lý Quy hoạch Kế hoạch	Văn phòng, Sở NN&PTNT			41			41	Không trúng tuyển	
168	HC. 168	Đào Thị Huyền	Trang	01/5/1997	Nữ	Quản lý kế hoạch và đầu tư	UBND thị xã Hồng Lĩnh			51			51	Không trúng tuyển	
169	HC. 169	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	22/12/2000	Nữ	Quản lý kế hoạch và đầu tư	UBND thị xã Hồng Lĩnh			32			32	Không trúng tuyển	
170	HC. 170	Nguyễn Thị	Vân	21/02/1997	Nữ	Kế hoạch tổng hợp	Ban QLKKT tỉnh Hà Tĩnh			9			9	Không trúng tuyển	
171	HC. 171	Nguyễn Thị Hồng	Vân	02/9/1988	Nữ	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư			55			55	Trúng tuyển	
172	HC. 172	Đặng Quốc	Sinh	16/3/1995	Nam	Công nghệ thông tin	Sở LĐ-TB&XH			7			7	Không trúng tuyển	
173	HC. 173	Trần Thị	Thuý	18/7/1994	Nữ	Công nghệ thông tin	Sở Ngoại vụ			50			50	Trúng tuyển	
174	HC. 174	Lê Thị	Tâm	24/5/1990	Nữ	Quản lý đất đai	UBND thị xã Kỳ Anh			37			37	Không trúng tuyển	
175	HC. 175	Nguyễn Hữu	An	25/01/1990	Nam	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			14	7		7	Không trúng tuyển	Cảnh cáo
176	HC. 176	Lê Tuấn	Anh	13/12/1994	Nam	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			3			3	Không trúng tuyển	
177	HC. 177	Lê Văn	Đại	10/8/1997	Nam	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT	CTB	5	12			17	Không trúng tuyển	
178	HC. 178	Nguyễn Hữu	Đạt	12/8/1989	Nam	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			20			20	Không trúng tuyển	
179	HC. 179	Nguyễn Anh	Đức	01/10/1997	Nam	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			20			20	Không trúng tuyển	
180	HC. 180	Nguyễn Đình	Đức	16/6/1989	Nam	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT	CBB	5	20			25	Không trúng tuyển	
181	HC. 181	Lê Việt	Hà	27/12/1993	Nữ	Quản lý quy hoạch hế hoạch	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			60			60	Trúng tuyển	
182	HC. 182	Nguyễn Minh	Hiếu	16/5/1998	Nam	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			55			55	Trúng tuyển	
183	HC. 183	Lê Văn	Lối	05/4/1998	Nam	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT	DTTS	5	20			25	Không trúng tuyển	
184	HC. 184	Nguyễn Văn	Sơn	25/11/1996	Nam	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			7		6	6	Không trúng tuyển	
185	HC. 185	Trần Ngọc	Sơn	16/01/1997	Nam	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT	HTNV	2.5	20			22.5	Không trúng tuyển	
186	HC. 186	Lê Anh	Tuấn	20/7/1989	Nam	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT			30			30	Không trúng tuyển	
187	HC. 187	Tô Thị	Đức	06/8/1989	Nữ	Quản lý kinh tế hợp tác xã và trang trại	Chi cục PTNT, Sở NN&PTNT			29			29	Không trúng tuyển	

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký thi tuyển	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi	Điểm trừ do vi phạm nội quy	Điểm chấm phúc khảo	Tổng điểm sau phúc khảo, xử lý vi phạm và cộng điểm ưu tiên	Kết quả	Ghi chú
188	HC. 188	Phan Ngọc Cẩm	Hà	08/6/1999	Nữ	Quản lý kinh tế hợp tác xã và trang trại	Chi cục PTNT, Sở NN&PTNT			10.5			10.5	Không trúng tuyển	
189	HC. 189	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	02/5/1991	Nữ	Theo dõi công tác xây dựng nông thôn mới; chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Chi cục PTNT, Sở NN&PTNT			55			55	Không trúng tuyển	
190	HC. 190	Hồ Thị Ngọc	Huyền	25/5/1999	Nữ	Quản lý kinh tế hợp tác xã và trang trại	Chi cục PTNT, Sở NN&PTNT			17.5			17.5	Không trúng tuyển	
191	HC. 191	Phạm Thị Khánh	Huyền	03/01/2000	Nữ	Quản lý kinh tế hợp tác xã và trang trại	Chi cục PTNT, Sở NN&PTNT			43			43	Không trúng tuyển	
192	HC. 192	Hoàng Khánh	Linh	20/11/1999	Nữ	Quản lý kinh tế hợp tác xã và trang trại	Chi cục PTNT, Sở NN&PTNT			53			53	Trúng tuyển	
193	HC. 193	Trịnh Thị Ngọc	Mai	10/11/1989	Nữ	Quản lý kinh tế hợp tác xã và trang trại	Chi cục PTNT, Sở NN&PTNT			51.5		51	51	Không trúng tuyển	
194	HC. 194	Trần Thị	Thảo	10/10/1999	Nữ	Quản lý kinh tế hợp tác xã và trang trại	Chi cục PTNT, Sở NN&PTNT			41			41	Không trúng tuyển	
195	HC. 195	Trương Thị Hiền	Thương	01/6/1996	Nữ	Theo dõi công tác xây dựng nông thôn mới; chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Chi cục PTNT, Sở NN&PTNT			87			87	Trúng tuyển	
196	HC. 196	Phạm Văn	Tiến	24/02/1998	Nam	Theo dõi công tác xây dựng nông thôn mới; chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Chi cục PTNT, Sở NN&PTNT			39.5			39.5	Không trúng tuyển	
197	HC. 197	Nguyễn Thị	Trang	20/8/1988	Nữ	Theo dõi công tác xây dựng nông thôn mới; chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Chi cục PTNT, Sở NN&PTNT	CBB	5	45.5			50.5	Không trúng tuyển	
198	HC. 198	Lê Đức	Anh	16/01/1995	Nam	Quản lý tài nguyên và môi trường	Ban QLKKT tỉnh Hà Tĩnh							Không trúng tuyển	Vắng thi
199	HC. 199	Phan Thị Mỹ	Hạnh	30/4/1996	Nữ	Quản lý tài nguyên và môi trường	Ban QLKKT tỉnh Hà Tĩnh			8			8	Không trúng tuyển	
200	HC. 200	Hoàng Thị	Quý	18/01/1993	Nữ	Quản lý tài nguyên và môi trường	Ban QLKKT tỉnh Hà Tĩnh			12			12	Không trúng tuyển	
201	HC. 201	Nguyễn Thị	Thảo	13/10/1996	Nữ	Quản lý môi trường	UBND huyện Vũ Quang			20			20	Không trúng tuyển	
202	HC. 202	Đào Thị Huyền	Trang	31/8/1997	Nữ	Quản lý môi trường	UBND huyện Vũ Quang			25			25	Không trúng tuyển	
203	HC. 203	Cù Thị	Trâm	20/5/1994	Nữ	Quản lý tài nguyên và môi trường	Ban QLKKT tỉnh Hà Tĩnh			15			15	Không trúng tuyển	
204	HC. 204	Nguyễn Thị	Tuyết	06/4/1990	Nữ	Quản lý tài nguyên và môi trường	Ban QLKKT tỉnh Hà Tĩnh			30			30	Không trúng tuyển	
205	HC. 205	Đinh Thị	Huân	06/6/1990	Nữ	Thực hiện chính sách người có công	UBND huyện Hương Khê			29			29	Không trúng tuyển	
206	HC. 206	Dương Thị	Lam	22/4/1996	Nữ	Thực hiện chính sách người có công	UBND huyện Hương Khê			11			11	Không trúng tuyển	
207	HC. 207	Hoàng Thị	Linh	08/3/1998	Nữ	Phòng chống tệ nạn xã hội	UBND huyện Kỳ Anh			7			7	Không trúng tuyển	
208	HC. 208	Trần Thị Diễm	My	11/7/1993	Nữ	Thực hiện chính sách người có công	UBND huyện Hương Khê			55			55	Trúng tuyển	